

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1606 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 12 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án sử dụng vốn vay và phương án
hoàn trả vốn vay lại của dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập"
(vay vốn WB), tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17/6/2009; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1858/QĐ-TTg ngày 02/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập", vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8) do Ngân hàng Thế giới tài trợ;

Căn cứ Công văn số 18955/BTC-QLN ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính về việc thông báo tỷ lệ cho vay lại của các tỉnh tham gia dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB);

Căn cứ Công văn số 4298/BTC-QLN ngày 31/3/2016 của Bộ Tài chính về việc bổ sung hồ sơ thẩm định phần vốn vay lại của dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB);

Căn cứ Công văn số 153/CV-HĐND ngày 28/4/2016 của Thường trực HĐND tỉnh về việc cơ chế cho vay lại của dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (vay vốn WB);

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại các Công văn số 302/SNN&PTNT-KHTC ngày 03/02/2016, số 810/SNN&PTNT-KHTC ngày 04/4/2016 và Sở Tài chính tại Công văn số 1248/STC-QLNS.TTK ngày 05/4/2016 về việc phương án sử dụng vốn vay và phương án hoàn trả vốn vay

lại của dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB), tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng vốn vay và phương án hoàn trả vốn vay lại của dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB), tỉnh Thanh Hóa, bao gồm những nội dung chính như sau:

1. Khái quát dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB):

Dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tại Quyết định số 1858/QĐ-TTg ngày 02/11/2015 và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015, với các nội dung chủ yếu như sau:

1.1. Mục tiêu đầu tư:

Hỗ trợ thực hiện Chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa nước thông qua sửa chữa, nâng cấp các đập ưu tiên, tăng cường năng lực quản lý, vận hành an toàn đập nhằm bảo vệ cho dân cư và cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng hạ du.

1.2. Tổng mức đầu tư dự án: Tỷ giá áp dụng 1 USD = 22.500 đồng.

- Tổng mức đầu tư dự án:	443.000.000 USD, trong đó:
+ Vốn vay WB:	415.000.000 USD;
+ Vốn đối ứng ngân sách nhà nước:	28.000.000 USD.
- Tổng mức đầu tư của tỉnh Thanh Hóa:	21.660.000 USD, trong đó:
+ Vốn vay WB:	20.530.000 USD;
+ Vốn đối ứng ngân sách nhà nước:	1.130.000 USD.

1.3. Cơ chế tài chính:

- Nguồn vốn vay WB: Ngân sách nhà nước cấp phát một phần, các tỉnh tham gia dự án vay lại một phần vốn với tỷ lệ trên tổng mức đầu tư phần vốn vay WB (theo Công văn số 18955/BTC-QLN ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính thì tỷ lệ cho vay lại đối với tỉnh Thanh Hóa là 15% phần vốn vay WB).

- Nguồn vốn đối ứng: Các địa phương tham gia dự án tự bố trí vốn đối ứng để thực hiện các nội dung hoạt động thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương hàng năm.

2. Phương án sử dụng nguồn vốn:

2.1. Nguồn vốn vay WB:

Số vốn vay WB của tỉnh Thanh Hóa là 20.530.000 USD (tương đương 461.925.000.000 đồng) được sử dụng để đầu tư xây dựng các hạng mục công trình (Xây lắp, thiết bị, ...) thuộc Hợp phần 1 - Khôi phục an toàn đập và giải ngân theo tiến độ thực hiện của dự án.

2.2. Nguồn vốn đối ứng (Ngân sách tỉnh):

Vốn đối ứng là 1.130.000 USD (tương đương 25.425.000.000 đồng) được sử dụng để chi trả các chi phí liên quan: Quản lý dự án; bồi thường, giải phóng mặt bằng; tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác, ... UBND tỉnh Thanh Hóa cam kết sẽ bố trí đủ vốn đối ứng theo tiến độ sử dụng vốn vay.

3. Phương án trả gốc và lãi vốn vay thực hiện dự án:

3.1. Tổng nguồn vốn vay lại, phí cam kết và lãi phải trả: 3.469.519 USD (tương đương 78.064.170.188 đồng), tỷ giá áp dụng 1 USD = 22.500 đồng.

Trong đó:

a) Vốn vay lại: 3.079.500 USD (tương đương 69.288.750.000 đồng).

Theo Công văn số 18955/BTC-QLN ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính thì khoản tiền tỉnh Thanh Hóa vay lại là: 3.079.500 USD (15% x 20.530.000 USD = 3.079.500 USD).

b) Phí cam kết: 46.192,5 USD (tương đương 1.039.331.250 đồng).

Phí cam kết phải trả tối đa đối với khoản vay chưa giải ngân là 0,5%; phần chi phí này sẽ tính vào nợ gốc. Thời gian thực hiện dự án dự kiến từ 2016 - 2022.

Tiến độ giải ngân dự kiến và phí cam kết phải trả tối đa đối với khoản vay chưa giải ngân theo bảng sau:

Đơn vị tính: USD

Năm	Tỷ lệ giải ngân (Dự kiến)	Giá trị giải ngân (Dự kiến)	Giá trị còn lại chưa giải ngân	Phí cam kết (0,5%)	Ghi chú
2016	0	0	3.079.500	15.397,5	Thời gian ân hạn (5 năm)
2017	20%	615.900	2.463.600	12.318,0	
2018	20%	615.900	1.847.700	9.238,5	
2019	20%	615.900	1.231.800	6.159,0	
2020	20%	615.900	615.900	3.079,5	
2021	20%	615.900	0	0	
2022	0	0	0	0	
Tổng cộng				46.192,5	

c) Lãi suất cho vay lại: 343.826 USD (tương đương 7.736.088.938 đồng).

Tiền trả lãi bằng 2%/năm (bằng lãi suất vay nhà tài trợ và Phí dịch vụ) trên tổng dư nợ phát sinh, theo bảng sau:

Đơn vị tính: USD

Năm	Tỷ lệ hoàn trả nợ gốc theo 2 kỳ (%)	Số tiền trả nợ gốc hàng năm	Dư nợ gốc phát sinh	Số tiền trả lãi 2% hàng năm trên dư nợ gốc phát sinh	Tổng số tiền gốc + lãi phải trả hàng năm
2021	5,00 x 2	312.569	3.125.693	62.514	375.083

2022	5,00 x 2	312.569	2.813.123	56.262	368.832
2023	5,00 x 2	312.569	2.500.554	50.011	362.580
2024	5,00 x 2	312.569	2.187.985	43.760	356.329
2025	5,00 x 2	312.569	1.875.416	37.508	350.078
2026	5,00 x 2	312.569	1.562.846	31.257	343.826
2027	5,00 x 2	312.569	1.250.277	25.006	337.575
2028	5,00 x 2	312.569	937.708	18.754	331.323
2029	5,00 x 2	312.569	625.139	12.503	325.072
2030	5,00 x 2	312.569	312.569	6.251	318.821
	Tổng	3.125.693		343.826	3.469.519

3.2. Phương án trả gốc và lãi vốn vay thực hiện dự án:

Ngày 31/3/2016, Bộ Tài chính có Công văn số 4298/BTC-QLN về việc bổ sung hồ sơ thẩm định phần vốn vay lại của dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (vay vốn WB), theo đó lịch trả nợ gốc sẽ là 10 năm thay vì 20 năm như trong Hiệp định vay nên điều kiện cho vay lại cụ thể như sau:

- Đồng tiền cho vay lại là: USD.
- Lãi suất cho vay lại (bằng lãi suất vay nhà tài trợ và Phí dịch vụ): 2%/năm.
- Thời hạn cho vay lại: Theo cơ chế trả nợ nhanh được WB áp dụng từ năm 2017, lịch trả nợ gốc sẽ là 10 năm thay vì 20 năm như trong Hiệp định vay.
- Phí cam kết phải trả tối đa đối với khoản vốn chưa giải ngân là: 0,5%/năm.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về tỷ lệ % áp dụng để hoàn trả gốc khoản vay nên UBND tỉnh Thanh Hóa tạm tính tỷ lệ chia đều theo phương án trả nợ 10 năm và áp dụng cho dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB), tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- Thời gian hoàn trả nợ gốc là 10 năm và có 5 năm ân hạn: Lịch trả nợ cho Ngân sách Trung ương là một năm hai kỳ, vào các ngày 15/6 và 15/12 hàng năm, bắt đầu từ ngày 15/6/2021 đến 15/12/2030 (nếu Hiệp định được ký năm 2016); áp dụng tỷ lệ 5,00% tổng dư nợ gốc.

- Phân bổ tỷ lệ tiền trả gốc và lãi hàng năm theo bảng sau:

Đơn vị tính: USD

Năm	Tỷ lệ hoàn trả nợ gốc theo 2 kỳ (%)	Số tiền trả nợ gốc hàng năm	Dư nợ gốc phát sinh (bao gồm vốn vay lại và phí cam kết)	Số tiền trả lãi 2% hàng năm trên dư nợ gốc phát sinh	Tổng số tiền gốc + lãi phải trả hàng năm
2021	5,00 x 2	312.569	3.125.693	62.514	375.083
2022	5,00 x 2	312.569	2.813.123	56.262	368.832
2023	5,00 x 2	312.569	2.500.554	50.011	362.580

2024	5,00 x 2	312.569	2.187.985	43.760	356.329
2025	5,00 x 2	312.569	1.875.416	37.508	350.078
2026	5,00 x 2	312.569	1.562.846	31.257	343.826
2027	5,00 x 2	312.569	1.250.277	25.006	337.575
2028	5,00 x 2	312.569	937.708	18.754	331.323
2029	5,00 x 2	312.569	625.139	12.503	325.072
2030	5,00 x 2	312.569	312.569	6.251	318.821
	Tổng	3.125.693		343.826	3.469.519

3.3. Nguồn vốn trả nợ:

Theo phương án trả nợ vốn vay dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (vay vốn WB), tỉnh Thanh Hóa từ năm 2021 đến 2030 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi vốn vay.

Tổng số tiền trả nợ (gốc và lãi vốn vay) là 3.469.519 USD, trong đó: Trả nợ gốc 3.125.692,5 USD (bao gồm, phần vốn vay lại của tỉnh Thanh Hóa là 3.079.500 USD và Phí cam kết phải trả tối đa đối với khoản vốn chưa giải ngân là 46.192,5 USD), trả lãi vốn vay 343.826 USD.

Nguồn vốn trả nợ: Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hàng năm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh bố trí trả nợ gốc và lãi vốn vay thực hiện dự án từ nguồn vốn ngân sách tỉnh hàng năm theo quy định của Luật Đầu tư công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

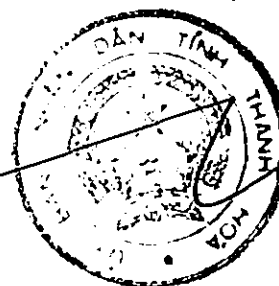
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực HĐND tỉnh
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

(để b/c);

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng